**TOÁN**

**Bài 16: Luyện tập chung (Tiết 1)**

**I.Yêu cầu cần đạt:**

- Đọc, viết được số có nhiều chữ số

- Nhận biết được lớp đơn vị, lớp nghìn, lớp triệu. Đồng thời nhận biết được các hàng tương ứng. Biết làm tròn số tới hàng trăm nghìn.

- Thực hiện cách so sánh hai số trong phạm vi 1 000 000 000

- Giáo dục các em tính cẩn thận và chính xác trong học toán.

**II. Đồ dùng dạy học:** SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. Hoạt động dạy- học**

**1. Khởi động:**

- HS tổ chức trò chơi “Hái xoài” để khởi động bài học.

 Câu 1: Nêu 3 số tự nhiên liên tiếp bắt đàu bằng số 1824, ……; ………; …….

 Câu 2: Thêm 3 số trong dãy sau và nêu quy luật của dãy số đó:M 3, 6, 9, ……, ……….;

Câu 3: Chọn đáp án đúng: Số lớn nhất:

 A. 123 456 123 B. 123 567 123 C. 98 456 234 D. 345 345 234

Câu 4: tràng vỗ tay

**2. Luyện tập:**

**Bài 1**. (Làm việc nhóm đôi) Hoàn thành bảng sau:

- HS thảo luận nhóm thống nhất kết quả - Trình bày trước lớp.

- HS chia sẻ trước lớp

- Nhận xét, tuyên dương.

**Bài 2**: (Làm việc cá nhân) Mỗi chữ số được gạch chân dưới đây thuộc hàng nào, lớp nào?

- HS đọc và làm vào vở ghi

- HS trình bày.

- Nhận xét, tuyên dương.

**Bài 3**: Cả lớp – cá nhân

 – Đọc và suy nghĩ

- HS đọc sau đó chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm 1 ý

- Đại diện trình bày

- Nhận xét chung, tuyên dương.

**Bài 4**: Nhóm đôi – Nhận thẻ thực hành

- HĐ nhóm đôi thảo luận trình bày.

- HS củng cố cấu tạo số, giá trị của các chữ số trong một số.

 Bài 5: Nhóm – Tham gia trò chơi:

-Nhóm dùng que diêm tạo thành nhiều số khác nhau. Nhóm nào tạo được một số mới thì được cộng 1 điểm. Nhóm nào tạo được một số theo yêu cầu đề bài thì được cộng 5 điểm

**IV.Những điều chỉnh sau bài dạy:**

................................................................................................................................................................................................................................................................

----------------------------------------

**TOÁN**

**Bài 16: Luyện tập chung (T2)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Biết được cách phân tích cấu tạo số và so sánh số có nhiều chữ số.

- Củng cố cho HS kiến thức về số tự nhiên, tia số, số tròn trăm nghìn, tròn triệu,...

- Biết xác định lớp, hàng và so sánh xác định được số lớn nhất, số bé nhất. Biết làm tròn số đến hàng trăm nghìn và lập được số.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học. Vận dụng bài học vào thực tiễn.

- Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

**II. Đồ dùng dạy học**:

- Các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. Hoạt động dạy- học**

**1. Khởi động:**

- HS tham gia trò chơi để khởi động bài học.

+ Câu 1: Cho số sau: 45 234 867. Cho biết chữ số 5 thuộc hàng nào? lớp nào?

+ Câu 2: Cho biết giá trị của chữ số 4 trong số sau: 76 345 678.

+ Câu 3: Xác định số bé nhất trong các số sau: 23 990 878; 24 100 000; 23 991 984

- Nhận xét, tuyên dương.

**2. Luyện tập**

Bài 1. >, <, = (Làm việc cá nhân) Phân tích cấu tạo số và so sánh số có nhiều chữ số.

- 1 HS nêu yêu cầu bài tập

- HS nêu quy tắc so sánh hai số có nhiều chữ số

- HS làm bài vào vở, 2 HS làm bài trên bảng lớp.

- HS đổi vở soát lỗi, nhận xét bài bạn.

- Nhận xét, kết luận.

Bài 2: Số? (Làm việc cá nhân)

- 1 HS nêu yêu cầu bài tập

- HS làm bài vào vở, 3 HS làm bài trên bảng lớp.

- HS đổi vở, nhận xét, chữa bài trên bảng.

? Hai số tròn triệu liên tiếp hơn kém nhau bao nhiêu đơn vị?

- Nhận xét, kết luận.

Bài 3:

- HS làm theo nhóm 4, xác định các hàng và lập số

- Các nhóm làm việc theo phân công.

- Các nhóm trình bày. Các nhóm khác nhận xét.

- Nhận xét, kết luận.

Bài 4. (Làm việc nhóm 2)

- 1 HS nêu tình huống: Hai bạn đi siêu thị mua đồ. Hãy giúp 2 bạn làm tròn số tiền của các sản phẩm đến hàng trăm nghìn.

- HS làm việc theo nhóm 2

- Các nhóm trình bày. Các nhóm khác nhận xét.

- Nhận xét, kết luận.

Bài 5.

- HS tham gia chơi trò chơi: Ai nhanh – ai đúng.

- Số mà rô bốt lập được: 2 333 000

- Nhận xét, tuyên dương.

**3. Vận dụng trải nghiệm.**

- HS tham gia chơi trò chơi: Hái hoa.

+ Viết số bất kì vào các phiếu như: 148 002, 599 597; 997 899. Mời HS tham gia trải nghiệm: GV đưa ra phiếu nào HS sẽ làm tròn số đó đến hàng trăm nghìn. Ai đúng sẽ được tuyên dương.

- Nhận xét, tuyên dương.

**IV. Những điều chỉnh sau bài dạy:**

............................................................................................................................................................................................................................................................................

----------------------------------------------------

**TOÁN**

**Bài 16: Luyện tập chung (T3)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Củng cố cho HS về hàng, lớp và các chữ số của số; So sánh và sắp thứ tự các số có nhiều chữ số.

- Củng cố cho HS về cấu tạo số và phép so sánh ở số có nhiều chữ số; Về dãy số tự nhiên.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học. Vận dụng bài học vào thực tiễn.

- Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

**II. Đồ dùng dạy học**:

- Các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. Hoạt động dạy- học**

**1. Khởi động:**

- HS tham gia trò chơi để khởi động bài học.

+ Câu 1: Cho biết chữ số 4 trong số: 46 305 678 thuộc hàng nào, lớp nào?

+ Câu 2: So sánh hai số sau:

12 408 760 … 12 488 540

+ Câu 3: Xác định số lớn nhất trong các số sau: 78 990 878; 84 100 000;

 83 991 984

- Nhận xét, tuyên dương.

**2. Luyện tập**

Bài 1. (Làm việc cặp đôi)

- 1 HS nêu yêu cầu bài tập.

- Các nhóm làm việc theo phân công.

- Các nhóm trình bày. Các nhóm khác nhận xét

- Nhận xét, kết luận.

Bài 2: (Làm việc cá nhân)

- 1 HS nêu yêu cầu bài tập

- HS phân tích bài tập: Tìm số học sinh tiểu học cho từng năm học. Biết số học sinh tăng dần theo từng năm học.

+ Năm có số học sinh Tiểu học ít nhất là năm nào?

+ Năm có số học sinh Tiểu học nhiều nhất là năm nào?

- Nhận xét, kết luận.

Bài 3: (Làm việc nhóm 4)

- Các nhóm làm việc theo phân công.

- Các nhóm trình bày. Các nhóm khác nhận xét.

- Nhận xét, kết luận.

Bài 4. (Làm việc cá nhân)

- Gợi ý: Muốn tìm số cọc ta lấy số ghi trên cọc cuối cùng trừ đi số ghi trên cọc đầu tiên rồi cộng thêm 1.

- HS làm vào vở. HS nêu kết quả.

- HS nhận xét bài bạn.

- Nhận xét, kết luận.

**3. Vận dụng trải nghiệm.**

- HS tham gia chơi trò chơi: Ai nhanh – ai đúng.

- Ví dụ: Viết 4 số bất kì vào các phiếu như: 32 002, 39 597; 37 899; 34 098. Mời HS tham gia trải nghiệm: Phát 4 phiếu ngẫu nhiên cho 4 em, sau đó mời 4 em đứng theo thứ tự từ bé đến lớn theo đánh dấu trên bảng. Ai đúng sẽ được tuyên dương.

- Nhận xét, tuyên dương.

**IV. Những điều chỉnh sau bài dạy:**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................

----------------------------------------------------